

Bản án số: 90/2019/DS-ST

Ngày: 29/11/2019

V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Trung Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Phạm Phước Tâm**

Bà **Hồ Thị Mai Hương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Hòa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 549/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2019 về việc Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 247/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 187b/2019/QĐST-DS, ngày 12 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Thanh B** - sinh năm 1967,

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Võ Thị Băng G** - sinh năm 1957 (có mặt),

Địa chỉ: Khóm M, thị trấn T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Đức T** - sinh năm 1967 (vắng mặt),

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/7/2019, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà **Võ Thị Băng G** đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn **Nguyễn Thanh B** trình bày như sau: Vào ngày 03/7/2017, anh B có cho anh **Nguyễn Đức T** vay số tiền 100.000.000 đồng với mục đích kinh doanh, việc vay tiền có xác lập biên nhận, hai bên không có thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ. Đã nhiều lần anh B yêu cầu nhưng đến nay anh T vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Anh B yêu cầu tính lãi suất 1,25%/tháng đối với số tiền vay 100.000.000

đồng kể từ ngày 03/7/2017 tạm tính đến ngày 29/7/2019 (24 tháng, 26 ngày) với số tiền là 31.083.000 đồng.

Nay anh Nguyễn Thanh B yêu cầu anh Nguyễn Đức T phải có trách nhiệm trả số tiền vay 100.000.000 đồng và lãi suất tạm tính đến ngày 29/7/2019 với số tiền là 31.083.000 đồng, tổng cộng là 131.083.000 đồng. Anh B yêu cầu tiếp tục tính lãi suất 1,25%/tháng đối với số tiền 100.000.000 đồng kể từ ngày 29/7/2019 đến khi xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất là 0,83%/tháng đối với số tiền 100.000.000 đồng kể từ ngày 29/7/2019 đến khi xét xử sơ thẩm, số tiền lãi là 3.320.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ là biên nhận đề ngày 03/7/2017 để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ.

- Bị đơn anh Nguyễn Đức T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cùng các giấy triệu tập hợp lệ nhưng đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia các phiên hòa giải cũng như phiên tòa xét xử của Tòa án.

- Kèm theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giao nộp: Giấy CMND và sổ hộ khẩu (bản photo), Biên nhận vay tiền ngày 03/7/2019 (bản chính).

- Bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

* Tòa án thu thập các tài liệu: Phiếu yêu cầu xác minh ngày 14/10/2019 (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Ngoài ra, bị đơn Nguyễn Đức T hiện đang cư trú tại xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 12/11/2019 và ngày 29/11/2019, bị đơn anh Nguyễn Đức T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên tòa, đồng thời anh T cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án này. Vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn là anh Nguyễn Đức T phải trả số tiền vay là 100.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa anh B và anh T có xác lập hợp đồng vay tài sản, đã được anh B chứng minh bằng biên nhận đề ngày 03/7/2017 do anh T tự viết và ký tên. Biên nhận này do anh B giao nộp cho Tòa án thể hiện đúng như lời trình bày của anh B.

Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ việc và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện cho anh T. Tuy nhiên, anh T vẫn không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không có ý kiến phản bác, yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác liên quan đến yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay tài sản giữa hai bên đương sự là có thật. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của phía nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì, căn cứ vào Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản sẵn cho bên vay, khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”; và tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn.....*”. Nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay 100.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất tạm tính đến ngày 29/7/2019 với số tiền là 31.083.000 đồng, tổng cộng là 131.083.000 đồng. Anh B yêu cầu tiếp tục tính lãi suất 1,25%/tháng đối với số tiền 100.000.000 đồng kể từ ngày 29/7/2019 đến khi xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất là 0,83%/tháng đối với số tiền 100.000.000 đồng kể từ ngày 29/7/2019 đến khi xét xử sơ thẩm là 3.320.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo biên nhận đề ngày 03/7/2017 đã được xác lập giữa hai bên do anh B giao nộp không có thể hiện lãi suất và cũng không thể hiện về thời hạn trả nợ. Như vậy giao dịch giữa hai bên là hợp đồng vay không có lãi suất nên nghĩa vụ trả nợ phải phát sinh kể từ ngày khởi kiện là ngày 29/7/2019. Do đó, yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn lãi suất đối với số tiền vay 100.000.000 đồng với mức lãi suất 0,83% kể từ ngày nguyên đơn khởi kiện đến nay (ngày 29/11/2019) với số tiền là 3.320.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của anh Nguyễn Thanh B được chấp nhận nên anh Nguyễn Đức T phải có chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận thì phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 463, 466 và Điều 469 của Bộ Luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Nguyễn Thanh B. Buộc anh Nguyễn Đức T phải có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Thanh B số tiền vay 100.000.000 đồng và tiền lãi 3.320.000 đồng; tổng cộng là 103.320.000 đồng (một trăm lẻ ba triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.166.000 đồng, anh Nguyễn Đức T phải chịu.

+ Anh Nguyễn Thanh B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà anh B đã nộp là 3.800.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003279 ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND HCL;
- Đường sự;
- Tòa án Tỉnh;
- CC THADS HCL;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Trung Dũng

